

CÔNG TY TNHH ALLIANCE TUẤN TRƯỜNG
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH ALLIANCE TUẤN TRƯỜNG

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: TUAN TRUONG ALLIANCE COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt: TUAN TRUONG ALLIANCE

2. Mã số doanh nghiệp: 0108866203

3. Ngày thành lập: 14/08/2019

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Số 28 Nhật Chiêu, Phường Nhật Tân, Quận Tây Hồ, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại:

Fax:

Email:

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng Chi tiết: Bán buôn tre, nứa, gỗ cây và gỗ chế biến Bán buôn xi măng Bán buôn gạch xây, ngói, đá, cát, sỏi Bán buôn kính xây dựng Bán buôn sơn, vécni Bán buôn gạch ốp lát và thiết bị vệ sinh Bán buôn đồ ngũ kim Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663
2.	Xây dựng nhà để ở	4101
3.	Xây dựng nhà không để ở	4102
4.	Xây dựng công trình đường sắt	4211
5.	Xây dựng công trình đường bộ	4212
6.	Xây dựng công trình điện	4221
7.	Xây dựng công trình cấp, thoát nước	4222
8.	Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc	4223
9.	Xây dựng công trình công ích khác	4229
10.	Xây dựng công trình thủy	4291
11.	Xây dựng công trình khai khoáng	4292
12.	Xây dựng công trình chế biến, chế tạo	4293
13.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4299
14.	Phá dỡ	4311
15.	Chuẩn bị mặt bằng	4312
16.	Lắp đặt hệ thống điện	4321

17.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí	4322
18.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác	4329
19.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
20.	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác	4390
21.	Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác (Trừ hoạt động đấu giá)	4511
22.	Bán lẻ ô tô con (loại 9 chỗ ngồi trở xuống)	4512
23.	Đại lý ô tô và xe có động cơ khác (Trừ hoạt động đấu giá)	4513
24.	Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác	4520
25.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác (Trừ hoạt động đấu giá)	4530
26.	Bán mô tô, xe máy (Trừ hoạt động đấu giá)	4541
27.	Bảo dưỡng và sửa chữa mô tô, xe máy	4542
28.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy (Trừ hoạt động đấu giá)	4543
29.	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa Chi tiết: Đại lý bán hàng hóa, môi giới mua bán hàng hóa	4610
30.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống (Trừ loại nhà nước cấm)	4620
31.	Bán buôn gạo, lúa mì, hạt ngũ cốc khác, bột mì	4631
32.	Bán buôn thực phẩm	4632
33.	Bán buôn đồ uống	4633
34.	Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép	4641
35.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình Chi tiết: Bán buôn vali, cặp, túi, ví, hàng da và giả da khác Bán buôn thuốc và dụng cụ y tế Bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh Bán buôn hàng gốm, sứ, thủy tinh Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện Bán buôn giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất tương tự Bán buôn sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm Bán buôn dụng cụ thể dục, thể thao Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình chưa được phân vào đâu	4649(Chính)
36.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	4651
37.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652

38.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp	4653
39.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác	4659
40.	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan	4661
41.	Bán buôn kim loại và quặng kim loại (Trừ vàng miếng, vàng nguyên liệu)	4662
42.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu	4669
43.	Bán buôn tổng hợp (trừ loại nhà nước cấm)	4690
44.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4711
45.	Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4719
46.	Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh	4721
47.	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4722
48.	Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh	4723
49.	Bán lẻ sản phẩm thuốc lá, thuốc láo trong các cửa hàng chuyên doanh	4724
50.	Bán lẻ nhiên liệu động cơ trong các cửa hàng chuyên doanh	4730
51.	Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh	4741
52.	Bán lẻ thiết bị nghe nhìn trong các cửa hàng chuyên doanh	4742
53.	Bán lẻ vải, len, sợi, chỉ khâu và hàng dệt khác trong các cửa hàng chuyên doanh	4751
54.	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh	4752
55.	Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn trong các cửa hàng chuyên doanh	4753
56.	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất trưng tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh	4759
57.	Bán lẻ sách, báo, tạp chí văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4761
58.	Bán lẻ băng đĩa âm thanh, hình ảnh (kể cả băng, đĩa trắng) trong các cửa hàng chuyên doanh	4762
59.	Bán lẻ thiết bị, dụng cụ thể dục, thể thao trong các cửa hàng chuyên doanh	4763
60.	Bán lẻ trò chơi, đồ chơi trong các cửa hàng chuyên doanh	4764
61.	Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh	4771
62.	Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh	4772
63.	Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh (trừ bán lẻ vàng miếng, súng đạn, tem và tiền kim khí)	4773

64.	Bán lẻ hàng hóa đã qua sử dụng trong các cửa hàng chuyên doanh (Trừ hoạt động đấu giá)	4774
65.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc Lào lưu động hoặc tại chợ	4781
66.	Bán lẻ hàng dệt, may sẵn, giày dép lưu động hoặc tại chợ	4782
67.	Bán lẻ thiết bị công nghệ thông tin liên lạc lưu động hoặc tại chợ	4783
68.	Bán lẻ thiết bị gia đình khác lưu động hoặc tại chợ	4784
69.	Bán lẻ hàng văn hóa, giải trí lưu động hoặc tại chợ	4785
70.	Bán lẻ hàng hóa khác lưu động hoặc tại chợ (trừ vàng, tem, tiền kim khí, hoạt động của đấu giá viên)	4789
71.	Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet (Trừ hoạt động đấu giá)	4791
72.	Bán lẻ hình thức khác chưa được phân vào đâu (Trừ hoạt động đấu giá)	4799
73.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa	5210

74.	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan Chi tiết: Hoạt động kiến trúc Khảo sát địa hình; Khảo sát địa chất công trình. Quản lý dự án đầu tư xây dựng Quản lý chi phí đầu tư xây dựng. Giám sát thi công xây dựng công trình Thi công xây dựng công trình Kiểm định xây dựng Lập quy hoạch xây dựng Thiết kế kiến trúc công trình; Thiết kế kết cấu công trình dân dụng - công nghiệp; Thiết kế cơ - điện công trình; thiết kế cấp - thoát nước công trình; Thiết kế xây dựng công trình giao thông; Thiết kế xây dựng công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn; Thiết kế xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật Giám sát công tác xây dựng công trình dân dụng - công nghiệp và hạ tầng kỹ thuật; Giám sát công tác xây dựng công trình giao thông; Giám sát công tác xây dựng công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn. Giám sát công tác lắp đặt thiết bị vào công trình. Xác định, thẩm tra tổng mức đầu tư xây dựng; phân tích rủi ro và đánh giá hiệu quả đầu tư của dự án; Xác định chỉ tiêu suất vốn đầu tư, định mức xây dựng, giá xây dựng công trình, chỉ số giá xây dựng; Kiểm tra, chứng nhận sự phù hợp về chất lượng công trình xây dựng Đo bóc khối lượng; Xác định, thẩm tra dự toán xây dựng; Xác định giá gói thầu, giá hợp đồng trong hoạt động xây dựng; Kiểm soát chi phí xây dựng công trình; Lập, thẩm tra hồ sơ thanh toán, quyết toán vốn đầu tư xây dựng, quy đổi vốn đầu tư công trình xây dựng sau khi hoàn thành được nghiệm thu bàn giao đưa vào sử dụng. Tư vấn đấu thầu; Khảo sát xây dựng Tư vấn giám sát thi công xây dựng công trình Lập thiết kế quy hoạch xây dựng Tư vấn quản lý dự án đầu tư xây dựng Tổ chức thiết kế, thẩm tra thiết kế xây dựng Thí nghiệm chuyên ngành xây dựng	7110
75.	Hoạt động thiết kế chuyên dụng Chi tiết: Hoạt động trang trí nội thất	7410

76.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh;	8299
-----	---	------

6. Vốn điều lệ: 2.000.000.000 VNĐ

7. Thông tin về chủ sở hữu:

Họ và tên: TRẦN HỒNG TRƯỜNG

Giới tính: *Nam*

Sinh ngày: 01/05/1974

Dân tộc: *Kinh*

Quốc tịch: *Việt Nam*

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: *Chứng minh nhân dân*

Số giấy chứng thực cá nhân: 063433638

Ngày cấp: 22/09/2011

Nơi cấp: Công an Tỉnh Lào Cai

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: *Khu dân cư Chiến Thắng, Phường Bắc Cường, Thành phố Lào Cai, Tỉnh Lào Cai, Việt Nam*

Chỗ ở hiện tại: *Khu dân cư Chiến Thắng, Phường Bắc Cường, Thành phố Lào Cai, Tỉnh Lào Cai, Việt Nam*

8. Người đại diện theo pháp luật:

* Ho và tên: **TRẦN HỒNG TRƯỜNG**

Giới tính: *Nam*

Chức danh: *Giám đốc*

Sinh ngày: 01/05/1974

Dân tộc: *Kinh*

Quốc tịch: *Việt Nam*

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: *Chứng minh nhân dân*

Số giấy chứng thực cá nhân: 063433638

Ngày cấp: 22/09/2011

Nơi cấp: Công an Tỉnh Lào Cai

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: *Khu dân cư Chiến Thắng, Phường Bắc Cường, Thành phố Lào Cai, Tỉnh Lào Cai, Việt Nam*

Chỗ ở hiện tại: *Khu dân cư Chiến Thắng, Phường Bắc Cường, Thành phố Lào Cai, Tỉnh Lào Cai, Việt Nam*

9. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội